**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**NỘI DUNG TRỌNG TÂM HỌC KỲ 1 – NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: GDCD – KHỐI 8**

***Bài 1: Tôn trọng lẽ phải***

**1. Khái niệm:**

Tôn trọng lẽ phải:

- Công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn.

- Biết điều chỉnh suy nghĩ hành vi của mình theo hướng tích cực.

- Không chấp nhận và không làm những việc sai trái.

**2. Biểu hiện của tôn trọng lẽ phải:** qua thái độ, cử chỉ, hành động, lời nói

**3. Biểu hiện trái với tôn trọng lẽ phải:** bóp méo sự thật, vu khống, bao che, làm theo cái sai cái xấu, không dám đấu tranh chống lại cái sai…

**4. Ý nghĩa**:

- Giúp mọi người có cách ứng xử phù hợp.

- Góp phần thúc đẩy xã hội ổn định và phát triển

**5. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Vàng thật không sợ lửa.

“ Nói phải củ cải cũng nghe”, …

***Bài 2: Liêm khiết***

**1. Khái niệm**

Liêm khiết là sống trong sạch, không hám danh, hám lợi, không toan tính nhỏ nhen, ích kỷ.

**2. Biểu hiện của liêm khiết:** sống trong sạch, không hám lợi, không làm việc sai trái, biết tôn trọng lẽ phải, …

**3. Biểu hiện trái với liêm khiết**: hám danh, hám lợi, gian dối, bóp méo sự thật,…

**4. Ý nghĩa:**

- Giúp con người sống thanh thản, sống có trách nhiệm

- Được mọi người tin yêu, quý trọng

- Góp phần làm cho xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

**5. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Cây thẳng,bóng ngay .

Cây cong bóng vẹo”

“ Cây ngay không sợ chết đứng”, …

***Bài 3: Tôn trọng người khác***

**1. Khái niệm**

Tôn trọng người khác là:

- Đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự nhân phẩm và lợi ích của người khác.

- Thể hiện lối sống có văn hóa của mỗi người.

**2. Biểu hiện của tôn trọng người khác:** (HS cho những việc làm cụ thể)

**3. Biểu hiện thiếu tôn trọng người khác:** (HS cho những việc làm cụ thể)

**4. Ý nghĩa:**

- Có tôn trọng người khác thì người khác mới tôn trọng mình

- Là cơ sở để quan hệ xã hội trở nên lành mạnh, trong sáng, tốt đẹp.

**5. Cách rèn luyện**

- Phải tôn trọng mọi người ở mọi lúc mọi nơi cả trong cử chỉ, lời nói, hành động

**5. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Lời nói không mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”

“ Kính già yêu trẻ”, …

***Bài 4: Giữ chữ tín***

**1. Khái niệm giữ chữ tín**

- Coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình.

- Biết trọng lời hứa.

- Biết tin tưởng nhau.

**2. Biểu hiện giữ chữ tín:** giữ đúng lời hứa, nói là làm, có trách nhiệm với hành vi, lời nói của mình.

**3. Biểu hiện không giữ chữ tín**: nói dối, nói hay,làm dỡ, lỡ hẹn, thiếu trách nhiệm, …

**4. Ý nghĩa :**

- Nhận được sự tin cậy, tín nhiệm của người khác.

- Dễ dàng hợp tác với nhau.

**5. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Một lần bất tín, vạn lần bất tin”

“ Nói lời phải giữ lấy lời/ Đừng như con bướm đậu rồi lại bay”, …

***CHỦ ĐỀ PHÁP LUẬT ( Bài 5: Pháp luật và kỉ luật + Bài 21: Pháp luật nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam)***

**1. Khái niệm**

***a) Pháp luật:*** là các quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

***b) Kỷ luật*** là những quy định của tập thể mà cá nhân cần tuân theo, nhằm đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ trong hành động.

**2. Đặc điểm của pháp luật**

- Tính quy phạm phổ biến: Các quy định của pháp luật là thước đo hành vi của mọi người, có tính phổ biến chung, được áp dụng nhiều lần trong phạm vi rộng lớn.

- Tính xác định chặt chẽ: Các điều luật được quy định rõ ràng, chính xác, chặt chẽ, thể hiện trong các văn bản pháp luật.

- Tính bắt buộc: Pháp luật do nhà nước ban hành, mang tính quyền lực, bắt buộc mọi người phải tuân theo, không phụ thuộc vào sở thích của bất cứ ai.

**3. Bản chất pháp luật**

- Thể hiện tính dân chủ XHCN.

- Thể hiện quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân lao động VN.

**4. Vai trò của pháp luật**

- Là công cụ để quản lý Nhà nước, XH, giữ vững an ninh chính trị.

- Là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

**5. Mối quan hệ giữa pháp luật và kỷ luật**

- Mọi người có một chuẩn mực chung để rèn luyện.

- Cá nhân và xã hội phát triển theo một định hướng chung.

**6. Rèn luyện**

Học sinh cần tự giác thực hiện đúng các quy định của nhà trường, cộng đồng, pháp luật của nhà nước

***Bài 6: Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh***

**1. Thế nào là tình bạn trong sáng, lành mạnh?**

a) Tình bạn là tình cảm gắn bó giữa 2 hoặc nhiều người trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích, hoặc có chung xu hướng hoạt động, có cùng lý tưởng sống… …

b) Đặc điểm tình bạn trong sáng và lành mạnh

- Phù hợp với nhau về quan niệm sống;

- Bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau;

- Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm với nhau;

- Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau.

**2. Biểu hiện của tình bạn trong sáng, lành mạnh:** quan tâm, giúp đỡ, …

**3. Biểu hiện của tình bạn tiêu cực, lệch lạc:** bao che khuyết điểm, cùng nhau làm việc xấu…

**4. Ý nghĩa:**

Giúp mọi người cảm thấy ấm áp tự tin, trưởng thành hơn.

Biết hoàn thiện mình để sống tốt hơn.

**6. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Thêm bạn bớt thù”

“ Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở”, …

***Bài 8: Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác***

**1. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là :**

- Tôn trọng chủ quyền, lợi ích và nền văn hóa của các dân tộc.

- Tìm hiểu và tiếp thu những điều tốt đẹp của nền kinh tế, văn hóa, xã hội các dân tộc.

**Phê phán:** Lối sống thực dụng, đua đòi ăn chơi ...

**2. Ý nghĩa:**

- Tạo điều kiện để nước ta tiến nhanh trên con đường xây dựng đất nước giàu mạnh.

- Phát triển bản sắc dân tộc.

***Bài 9: Xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư***

**1. Cộng đồng dân cư là:**

- Những người cùng sinh sống trong một khu vực lãnh thổ.

- Giữa họ có sự liên kết và hợp tác với nhau.

**2. Xây dựng nếp sống văn hóa bằng cách:**

- Giữ gìn trật tự an ninh.

- Vệ sinh nơi ở, bảo vệ môi trường.

- Xây dựng tình đoàn kết xóm giềng.

- Bài trừ mê tín dị đoan, phòng chống tệ nạn xã hội

**3. Ý nghĩa :**

- Làm cho cuộc sống bình yên, hạnh phúc.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

***Bài 10: Tự lập***

**1. Tự lập là :**

- Tự giải quyết công việc của mình.

- Tự tạo dựng cuộc sống cho mình.

- Không trông chờ, phụ thuộc vào người khác.

**2. Biểu hiện của tự lập :**

- Tự tin, bản lĩnh, dám đương đầu với khó khăn thử thách.

- Nỗ lực vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống.

**3. Biểu hiện trái với tự lập**: Ngại khó, ngại khổ, ỷ lại, dựa dẫm vào người khác,…

**4. Ý nghĩa :**

- Thành công trong cuộc sống.

- Nhận được sự quý trọng của mọi người.

**5. Câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn**

“ Tự lực cánh sinh”

“ Hay làm đắp ấm cho thân”

“ Nước lã mà vã nên hồ/ Tay không mà dựng cơ đồ mới ngoan.”

“ Giàu thì ta chẳng có tham/ Khó thì ta liệu, ta làm ta ăn”,…

**Xử lý tình huống, bài tập tình huống** (Học sinh xem thêm các tình huống, bài tập trong SGK và sách bài tập)